



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Đường số 7, khu công nghiệp Biên hòa 1. Tỉnh Đồng Nai – Việt Nam.

ĐT: +084.061 – 3836121 – 3836122 – 3836642. Fax: 061.3832939

Website: www.sovi.com.vn – Email: sovi@sovi.com.vn

Biên Hòa, ngày 02 tháng 03 năm 2012

MỤC I :

BÁO CÁO :

***TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM
2011 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012
của CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA***

Kính thưa Quý vị đại biểu,

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Hội đồng Quản trị xin trân trọng chào đón và cảm ơn tất cả Quý vị Đại biểu, Quý vị Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 9 của tài khóa 2011. Sự hiện diện của Quý vị đã thể hiện niềm tin và quyết tâm xây dựng SOVI ngày càng phồn vinh, phát triển.

Bước vào năm 2011, kinh tế thế giới sau hơn hai năm lâm vào suy thoái đã phục hồi trở lại nhưng không vững chắc và đồng đều giữa các khu vực. Lạm phát và giá cả hàng hóa tăng cao, thị trường tài chính thế giới biến động phức tạp. Khủng hoảng nợ công ở khu vực đồng Euro lan rộng, nợ công ở nhiều nền kinh tế chủ chốt tăng cao tới mức nguy hiểm. Đồng đô-la Mỹ biến động mạnh, giá vàng tăng cao kỷ lục, giá dầu thô trên thị trường thế giới tiếp tục biến động, ... Những yếu tố bất lợi đó tác động làm cho thị trường giá cả trong nước biến động hết sức phức tạp, việc thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát vì thế gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực nhờ những can thiệp đúng lúc, đồng bộ của các cơ quan chức năng trong việc thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ. Cụ thể, GDP năm 2011 tăng 5,89 % so với năm 2010 và tăng dần theo các quý; giá trị SXCN tăng 6,8 % so với cùng kỳ năm trước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm tăng 24,2% ; nhập siêu giảm; tỷ giá hối đoái ổn định trong suốt thời gian vừa qua, ...

Tuy nền kinh tế tăng trưởng cao nhưng chưa ổn định, chất lượng tăng trưởng thấp, tiềm ẩn không ít bất trắc, rủi ro. Lạm phát tăng đến 18,13% so với cùng kỳ năm 2010; lãi suất tín dụng vẫn đứng ở mức cao (trên 18%) và chưa có xu hướng giảm, số doanh nghiệp ngừng hoạt động tăng khoảng 21% so với năm 2010; hàng hóa tồn kho tăng, sức mua giảm, mặc dù nhập khẩu có giảm nhưng vẫn còn nhập siêu, ... đã tạo không ít khó khăn cho Sovi, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống đa số của người lao động.

Ngoài những khó khăn, thuận lợi chung của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2011, công ty còn có những thuận lợi, khó khăn riêng sau :

Thuận lợi

- Được sự quan tâm giúp đỡ của UBND tỉnh, Tổng công ty và các ban ngành đoàn thể trong Tỉnh.
- Mặc dù nền kinh tế thế giới đối mặt với nguy cơ rủi ro khủng hoảng tài khoá tăng cao ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế vĩ mô trong nước, tuy nhiên ngành sản xuất công nghiệp vẫn tiếp tục tăng trưởng đã kéo theo ngành giấy và bao bì giấy phát triển.
- Đa số CB-CNV thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc vì sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.
- Công tác quản trị luôn được quan tâm, trong đó công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kiến thức kỹ năng quản lý, tác nghiệp từ đó thúc đẩy hoạt động cải tiến và hạn chế những rủi ro trong quá trình tác nghiệp.
- SOVI tiếp tục khẳng định là một trong những nhà cung cấp bao bì carton chính cho thị trường dẫn đến thương hiệu Sovi ngày càng có chỗ đứng vững chắc và tạo niềm tin ở khách hàng.

- Với chỉ số xếp hạng tín dụng tối ưu (AAA) trong 3 năm liên tiếp từ 2008-2010 nên Sovi dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Bao bì giấy tiếp tục khẳng định là loại bao bì khó có khả năng thay thế vì có tính thân thiện với môi trường, ngành sản xuất bao bì giấy ngày càng phát triển và ổn định.

Khó khăn :

- Giá cả một số nguyên vật liệu chính của công ty như giấy, mực in, bột mì, ... vẫn tiếp tục tăng và đứng ở mức cao gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh trong kỳ.
- Do chính sách thắt chặt tín dụng để kiềm chế lạm phát, cộng với lãi suất thị trường theo cơ chế thỏa thuận đã đẩy lãi suất tín dụng trên thị trường tăng cao (trên 18%), làm phát sinh chi phí tài chính lớn, gây khó khăn đến hiệu quả kinh doanh trong kỳ.
- Mặc dù tỷ giá hối đoái trên thị trường đã ổn định nhưng vẫn còn đứng ở mức cao đã tác động đến các khoản nợ vay bằng ngoại tệ của Sovi do phải chịu chi phí chênh lệch tỷ giá.
- Mặc dù công ty đã cố gắng trong việc khuyến khích, hướng dẫn và đào tạo cả bên trong lẫn bên ngoài, nhưng đến nay kiến thức và kỹ năng quản trị của một số cán bộ quản lý vẫn còn chưa theo kịp yêu cầu, đặc biệt là công tác quản trị nguồn nhân lực vẫn còn bộc lộ những yếu kém, bất cập dẫn đến hiệu quả quản trị còn chưa cao.
- Do chính sách hạn chế dư nợ tín dụng và lãi suất tín dụng cao dẫn đến nhiều doanh nghiệp khó tiếp cận được vốn vay nên thu hẹp quy mô sản xuất, đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng sản xuất của công ty trong kỳ.
- Nguồn cung bao bì giấy ngày càng tăng do có nhiều doanh nghiệp nước ngoài tham gia hoặc mở rộng quy mô sản xuất, dẫn đến việc cạnh tranh khốc liệt với nhau về giá, về chất lượng, dịch vụ của sản phẩm bao bì, đưa đến việc tìm kiếm khách hàng mới và giữ vững khách hàng cũ ngày một khó khăn hơn.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011

Với những thuận lợi - khó khăn nêu trên, song với sự cố gắng và nỗ lực hết mình của tập thể cán bộ công nhân viên SOVI không những đảm bảo được sản xuất ổn định mà còn bảo tồn và phát triển đồng vốn ngày càng có hiệu quả với một số kết quả như sau:

- **Tổng sản phẩm thực hiện 40.676 tấn.** Hoàn thành vượt mức 100,43% KH năm, tăng 0,4% so với năm 2010, trong đó chủ yếu là sản phẩm carton.
- **Tổng doanh thu đạt 694.886 tỷ đồng.** Hoàn thành vượt mức 115,38% KH năm, tương đương tăng 92,636 tỷ đồng và tăng 21,05% so cùng kỳ 2010. Trong đó:
 - *Doanh thu bao bì carton chiếm tỷ trọng chủ yếu 78,94% trong tổng cơ cấu doanh thu. Đạt 548,57 tỷ đồng, và tăng 22,49% cùng kỳ 2010 tương đương mức tăng 100,75 tỷ đồng.*
 - *Doanh thu bao bì in offset chiếm tỷ trọng 18,55% trong tổng cơ cấu doanh thu. Đạt 128,9 tỷ đồng, và tăng 15,12% cùng kỳ 2010 tương đương tăng 16,94 tỷ đồng.*

- **Lợi nhuận trước thuế đạt: 58,80 tỷ đồng.** Tăng 33,51% so với KH năm, tương đương tăng 14,75 tỷ đồng. Tăng 35,30% so cùng kỳ 2010 tương đương tăng 15,34 tỷ đồng.
- **Cổ tức dự kiến đạt: 15%,** bằng với kế hoạch năm, giảm 40% so với giá trị tương đối năm 2011 nhưng lại tăng 5,53% so với giá trị tuyệt đối, tương đương mức tăng 574 triệu đồng.
- **Đầu tư trong năm thực hiện 72,268 tỷ đồng,** giảm 60,94% KH nhưng tăng hơn 1,8 lần so cùng kỳ 2010, tương đương mức tăng 32,9 tỷ đồng.
- **Nộp ngân sách 23,04 tỷ đồng ,** tăng 120,10% so cùng kỳ 2010 tương đương mức tăng 12,57 tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH2011	TH 2011	TH 2010	% thực hiện so với	
						Kế hoạch	Năm 2010
1	Sản phẩm thực hiện	Tấn	40.500	40.676	40.514	100,43	100,40
	Trong đó :						
	Bao bì Carton		33.500	34.020	33.615	101,55	101,20
	Bao bì in offset		4.300	3.857	4.221	89,69	91,37
	Giấy bìa hộp		2.700	2.799	2.678	103,66	104,51
2	Doanh thu	Tr.đ	602.250	694.886	574.005	115,38	121,05
	Trong đó :						
	Bao bì Carton		467.250	548.565	447.815	117,40	122,49
	Bao bì in offset		120.000	128.919	111.979	107,43	115,12
	Doanh thu khác		15.000	17.402	14.211	116,01	122,45
	(Trong đó giấy bìa hộp chỉ tiêu thụ nội bộ)						
3	Các khoản nộp N.Sách	Tr.đ	22.956	23.045	10.470	100,38	220,10
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	44.040	58.796	43.457	133,51	135,30
5	Cổ tức	%	15	15	25	100,00	60,00
6	Đầu tư	Tr.đ	185.000	72.268	39.367	39,06	183,58
7	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Tr.đ	5,5	6.5	6,2	118,18	104,83
8	Đóng góp công tác XH	Tr.đ	500	487	408	97,40	119,36

(Bảng 1: Tổng hợp các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh cty 2011)

2. Các hoạt động khác

a. Công tác đầu tư

Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng Nghị quyết được thông qua tại ĐHCĐ thường niên lần 8 tài khóa 2010. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện theo đúng quy định của Luật đầu thầu, và được các cơ quan chức năng thẩm định. Cụ thể như sau:

- Trong năm 2011, công ty tiến hành lập thủ tục Dự án đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, vận tải nhằm cải tiến chất lượng, nâng cao năng suất và được Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai chấp thuận cho vay vốn (9,5 tỷ) . Đến nay hầu hết máy móc thiết bị và phương tiện vận tải công ty đã đầu tư và đưa vào sử dụng đầy đủ.
- Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì carton mới tại KCN Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương :
 - o Về xây dựng nhà máy : Công ty đã hoàn tất các thủ tục đầu thầu, ký kết hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật. Công ty TNHH Xây dựng Hồng Tín là đơn vị trúng thầu và triển khai khởi công vào tháng 6/2011. Dự án dự kiến thi công trong vòng 8 tháng và đến nay (cuối tháng 1/2012) việc thi công công trình đã cơ bản hoàn tất như sau :
 - + Hạng mục : Hàng rào; tháp nước; bể PCCC; hệ thống thoát nước mưa, nước thải : đạt 100%
 - + Hạng mục nhà xưởng : đạt 70% và dự kiến hoàn tất toàn bộ tháng 3/2012.
 - + Hạng mục đường giao thông nội bộ : đã hoàn thiện phần nền hạ, dự kiến hoàn tất tháng 3/2012
 - + Hệ thống XLNT : đang triển khai xây dựng nhà xử lý & bể nước thải, dự kiến hoàn tất tháng 4/2012.
 - + Hệ thống đường dây & Trạm biến áp : Đang trong giai đoạn đấu thầu, dự kiến cuối tháng 2/2012 sẽ tiến hành ký kết hợp đồng và triển khai xây dựng và hoàn tất dự kiến cuối tháng 3/2012.
 - + Hệ thống PCCC : đã hoàn tất việc đấu thầu và chọn nhà cung cấp. Dự kiến sẽ triển khai trong tháng 3/2012 và đến đầu tháng 5 sẽ đưa vào sử dụng.
 - + Hệ thống điện động lực sản xuất & hệ thống chiếu sáng : Đang trong quá trình thiết kế và thẩm định. Dự kiến đầu tháng 3/2012 sẽ tổ chức đấu thầu và tháng 4/2012 sẽ đưa vào sử dụng.
 - o Về đầu tư thiết bị : Hiện đã hoàn tất việc đấu thầu và tiến hành ký hợp đồng nhập khẩu mua 01 máy giấy và 02 máy in. Dự kiến đến tháng 03/2012 các máy móc thiết bị này sẽ bàn giao và đưa vào lắp ráp đúng theo tiến độ kế hoạch. Còn các máy móc thiết bị của công đoạn khác với giá trị nhỏ sẽ tiến hành đầu tư song song với việc đầu tư bổ sung MMTB cho nhà máy hiện có.

b. Công tác quản trị nhân sự

Hiện nay công ty có đội ngũ CBCNV gồm 596 người (không kể lao động thời vụ), trong đó CBCNV có trình độ Đại học là 64 người, Cao đẳng 11 người, trung cấp 72 người, công nhân kỹ thuật 363 người, còn lại là lao động phổ thông.

Công ty tiếp tục nâng cao công tác quản trị nhân sự thông qua các hình thức đào tạo và tuyển dụng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động cải tiến liên tục. Cụ thể :

- Về đào tạo : Trong năm, công ty tổ chức có 24 khóa đào tạo nội bộ, 13 khóa đào tạo bên ngoài. Ngoài ra công ty còn thuê các chuyên gia về mở lớp đào tạo tại công ty về giảm thời gian ngừng máy; AM – OPL; Nhận thức Lean; Tư vấn Lean – 6sigma,... Việc đẩy mạnh đào tạo đã giúp đội ngũ cán bộ quản lý tiếp cận được với kiến thức, kỹ năng,

phương pháp quản lý mới và nâng cao tay nghề cho người lao động. Công ty xác định công tác đào tạo là một trong những giải pháp cạnh tranh về nguồn lực trong năm 2011.

- Về tuyển dụng : Hoạt động tuyển dụng trong năm vẫn được duy trì thường xuyên đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động cho hoạt động sản xuất kinh doanh . Do đặc điểm ngành nghề phụ thuộc ít nhiều vào “tính chất mùa vụ” nên việc tuyển dụng theo phương thức thời vụ đối với những công đoạn sản xuất giản đơn được ưu tiên nhằm tiết giảm chi phí. Tuy nhiên việc tuyển dụng ở một số vị trí quản lý, lao động có trình độ cao còn khó khăn do quy trình hội nhập và chính sách tiền lương còn bất cập.

c. Công tác duy trì & cải tiến hệ thống quản lý:

Công ty xác định công tác duy trì và cải tiến hệ thống quản lý là công việc làm thường xuyên nên trong năm 2011, công ty tiến hành đánh giá, soát xét Bộ hồ sơ giao việc từ cấu trúc, mục tiêu, quy trình, quy định & hướng dẫn công việc cho đến các tiêu chí đánh giá năng lực và thành tích cho từng CBCNV. Kết quả hiện nay mỗi bộ phận, phân xưởng cơ bản đã có cấu trúc bộ phận và bộ hồ sơ giao việc tương đối hoàn chỉnh cho từng nhân viên của mình, từng bước cụ thể hóa vào thực tế trong công ty, cụ thể như sau :

- Giao việc: Năm qua công ty thực hành từng bước minh bạch, cụ thể hóa hóa giao việc cho từng người lao động và từng cấp quản trị. Việc áp dụng các chỉ tiêu giao KPI cụ thể giúp người lao động chủ động thực hiện công việc, hướng tới sử dụng nguồn nhân lực với hiệu suất cao.
- Kiểm soát công việc: Song song với giao việc là kiểm soát thực hiện công việc thông qua yêu cầu các BP/PX toàn công ty xây dựng danh mục kiểm soát nhân sự của từng vị trí. Việc thu thập, phân tích dữ liệu là giải pháp của các giải pháp giúp các cấp quản trị kiểm soát nhân sự, đồng thời nắm được diễn tiến công việc đang diễn ra.
- Đánh giá mức độ hoàn thành công việc: Đánh giá mức độ hoàn thành công việc là tất yếu của hoạt động giao việc. Trong năm 2011 hoạt động này đã từng bước đi vào nề nếp, qua đó đã chỉ ra được các nội dung còn yếu, còn thiếu của từng vị trí để từ đó có chính sách nhân sự phù hợp.

d. Công tác quản lý phí

Hàng năm, công ty đều tiến hành lập, giao và đánh giá kế hoạch ngân sách đến từng bộ phận, phân xưởng định kỳ hàng tháng. Tuy nhiên, công tác kiểm tra và giám sát việc quản lý ngân sách phần lớn ở các bộ phận chưa thường xuyên, việc tổ chức thống kê và theo dõi chi phí phát sinh tại đơn vị mình có nơi còn buông lỏng nên hiệu quả chưa cao.

e. Công tác sản xuất tác nghiệp

Các hoạt động sản xuất - tác nghiệp rất quan trọng đối với một doanh nghiệp sản xuất và thường chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng số các hoạt động công ty. Cụ thể :

Về công nghệ thiết bị : Công ty sở hữu một dây chuyền thiết bị làm tấm carton và in khá hiện đại và tự động khá cao. Vì vậy, công tác quản lý và bảo trì máy móc thiết bị luôn được chú trọng, quan tâm và đẩy mạnh trong năm 2011. Kết quả là hiện nay tình trạng ngưng máy đột xuất đã giảm so với năm ngoái dẫn đến công suất và định mức được nâng cao hơn. Tuy nhiên việc vận hành thiết bị đến nay vẫn chưa được chuẩn hóa đầy đủ các tác nghiệp, gây khó khăn trong thao tác làm việc của công nhân dễ dẫn đến rủi ro về chất lượng sản phẩm.

Về sản xuất : Khả năng đáp ứng nhanh và linh hoạt các đơn hàng trong năm 2011 vẫn được khách hàng đánh giá cao. Tuy nhiên tình trạng thừa thiếu số lượng vẫn còn xảy ra, tỷ lệ tồn

bán thành phẩm trên dây chuyền hiện nay vẫn còn cao làm giảm hiệu quả của việc sử dụng đồng vốn.

Về định mức : Công tác soát xét và cải tiến định mức luôn được quan tâm. Trong năm, công ty tổ chức cấp phát, sử dụng và quyết toán định mức một số nguyên liệu chính nhằm kiểm soát quá trình sử dụng nguyên liệu, từ đó đưa ra các giải pháp tiết kiệm định mức. Kết quả hao hụt tại khâu máy giấy đã giảm so với năm ngoái. Tuy nhiên việc soát xét và cải tiến định mức chưa được phân tích dữ liệu thường xuyên và đồng đều nên ảnh hưởng khá nhiều đến công tác kiểm soát định mức.

Về chất lượng : Hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm luôn được duy trì và cải tiến thường xuyên. Do xác định chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu nên trong năm công ty không ngừng đầu tư đổi mới, bổ sung khá đầy đủ máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng nhằm ngăn chặn được những lô nguyên vật liệu không đạt chất lượng nhập vào công ty và các lô sản phẩm không đạt chất lượng trước khi sản xuất đại trà. Qua đó từng bước tạo uy tín và tăng tính cạnh tranh của Sovi trên thị trường, đồng thời tiết giảm được chi phí.

f. Chính sách đối với người lao động

Chính sách lương SOVI tiếp tục thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Để động viên khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty cũng như đóng góp nhiều ý kiến cải tiến năng suất làm việc, sau khi xác định hiệu quả SXKD từng quý, nếu thấy có hiệu quả lợi nhuận cao, công ty tiếp tục phát thưởng thông qua tiền lương với giá trị tiền thưởng quý này cao hơn quý trước.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Sovi trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, trong đó có cả việc mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB-CNV. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, đo kiểm môi trường, trang bị áo quần, BHLĐ, bồi dưỡng độc hại được công ty làm thường xuyên kịp thời và đúng quy định. Hàng năm đều tổ chức cho CBCNV nghỉ mát,...

Hoạt động khác : Tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào cộng đồng do các tổ chức xã hội nghề nghiệp tổ chức. Trong năm, công ty đóng góp gần 500 triệu đồng cho chương trình nhân đạo như ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai; xây nhà tình thương, tình nghĩa; nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà cho học sinh giỏi vượt khó, tặng quà tết cho người nghèo, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo,...

Thông qua các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên để giúp đỡ, trợ cấp một số CBCNV còn khó khăn. Tổ chức và định hướng cho CB-CNV tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào do đoàn thể các cấp phát động qua đó tạo được ý thức tinh thần trách nhiệm xã hội, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị :

Hội đồng quản trị công ty gồm 7 thành viên, trong đó 1 thành viên không kiêm nhiệm quản lý trực tiếp công ty. Trong năm 2011, các thành viên HĐQT đã tích cực tham gia phối hợp, hỗ trợ Ban giám đốc hoặc trực tiếp điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và

đầu tư của công ty. HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 và 04 phiên họp HĐQT thường niên theo định kỳ; 43 cuộc họp HĐQT bất thường để kiểm tra, kiểm soát và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của Công ty. Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty. Các vấn đề chỉ đạo và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh đều được các thành viên HĐQT bàn bạc công khai, biểu quyết và đạt được sự đồng thuận cao.

Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2011 bao gồm :

1. Tổ chức phát hành 3.000.000 cổ phiếu (chia làm 2 giai đoạn) để tăng vốn nhằm đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất carton mới 30.000 tấn/năm tại KCN Mỹ Phước, Bình Dương.
2. Thông qua việc hủy cổ phiếu niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội (HNX) và chuyển về đăng ký niêm yết tại Sở GDCK TP.HCM (Hose)
3. Xây dựng phương án đầu tư đổi mới máy móc thiết bị và vận tải nhằm cải tiến chất lượng, nâng cao năng suất hiện tại.
4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I,II,III,VI năm 2011.
5. Kiểm tra, đánh giá các thủ tục, tiến độ các dự án đầu tư và bổ sung kịp thời kế hoạch vốn đầu tư theo tiến độ thực hiện các dự án .
6. Thông qua kế hoạch chi tạm ứng cổ tức đợt 1 và 2 năm 2011
7. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011; phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2012 và các tờ trình đề trình Đại hội đồng cổ đông xin ý kiến.

Kết quả, hầu hết các quyết định của HĐQT đều được triển khai và hoàn tất đúng theo kế hoạch. Về kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn được thực hiện như sau :

Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Việc phát hành được chia làm hai đợt :

Đợt 1: Phát hành bán cho cổ đông hiện hữu

- Hình thức phát hành : phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ 2:1 tương đương 50% cổ phiếu đang lưu hành.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 1.950.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 29.250.000.000 đồng
- Ngày phát hành: 21/01/2011
- Ngày bắt đầu chào bán: 11/02/2011
- Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu: 31/03/2011
- Tên tổ chức tư vấn chào bán và bảo lãnh phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)
- Kết quả chào bán:

+ Tổng số cổ phiếu chào bán:

- Tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành là 1.950.000 cổ phiếu. theo quy định của pháp luật, cổ phiếu quỹ không được phép thực hiện quyền nên tổng số cổ phiếu được phép chào bán tối đa là 1.937.850 cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu cổ đông hiện hữu thực hiện quyền là 1.896.580 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 97,87% tổng số cổ phiếu được phép chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Số cổ phiếu còn lại là 41.270 cổ phiếu được Hội đồng quản trị tiếp tục phân phối hết.

+ Tổng thu ròng từ đợt chào bán cổ phiếu đợt 1 : 29.067.750.000 đồng

Đợt 2 : Phát hành bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu thưởng

a/ Phát hành bán cho cổ đông hiện hữu

- Hình thức phát hành : phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ 100:18 tương đương 18% cổ phiếu đang lưu hành.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 1.046.439 cổ phiếu
- Giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 15.696.585.000 đồng
- Ngày phát hành: 02/11/2011
- Ngày bắt đầu chào bán: 09/11/2011
- Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu: 19/12/2011
- Tên tổ chức tư vấn chào bán và bảo lãnh phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)
- Kết quả chào bán:

+ Tổng số cổ phiếu chào bán:

- Tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành là 1.046.439 cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu cổ đông hiện hữu thực hiện quyền là 1.009.927 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 96,51% tổng số cổ phiếu được phép chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Số cổ phiếu còn lại là 36.512 cổ phiếu được Hội đồng quản trị tiếp tục phân phối hết.

+ Tổng thu ròng từ đợt chào bán cổ phiếu : 15.696.585.000 đồng .

b/ Phát hành cổ phiếu thưởng

- Hình thức phát hành : phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 100:35 tương đương 35% cổ phiếu đang lưu hành.
 - Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.034.743 cổ phiếu.
 - Nguồn vốn hợp pháp sử dụng: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và một phần lợi nhuận giữ lại tại thời điểm 31/12/2010.
 - Ngày phát hành : 02/11/2011
 - Kết quả phát hành:
- + Tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành thưởng là 2.034.743 cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu

cổ đông hiện hữu thực hiện quyền là 2.034.701 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 99,998% tổng số cổ phiếu được thưởng cho cổ đông hiện hữu.

+ Số cổ phiếu còn lại là 42 cổ phiếu là cổ phiếu lẻ được hủy theo phương án phát hành được Hội đồng quản trị thông qua.

2. Tiền thưởng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2011

Năm 2011, số tiền thưởng đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 1.077.232.545 đồng bằng 2% tổng lợi nhuận sau thuế đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHCĐ thường niên Công ty ngày 29/03/2011, cụ thể:

Đvt : đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG THƯỞNG	BQ người/tháng
1	Hội đồng quản trị	887.767.733	9.247.580
2	Ban kiểm soát	189.464.812	5.262.911

3. Báo cáo tình hình tài chính

a. Các chỉ số tài chính năm 2011 (số liệu đã được kiểm toán):

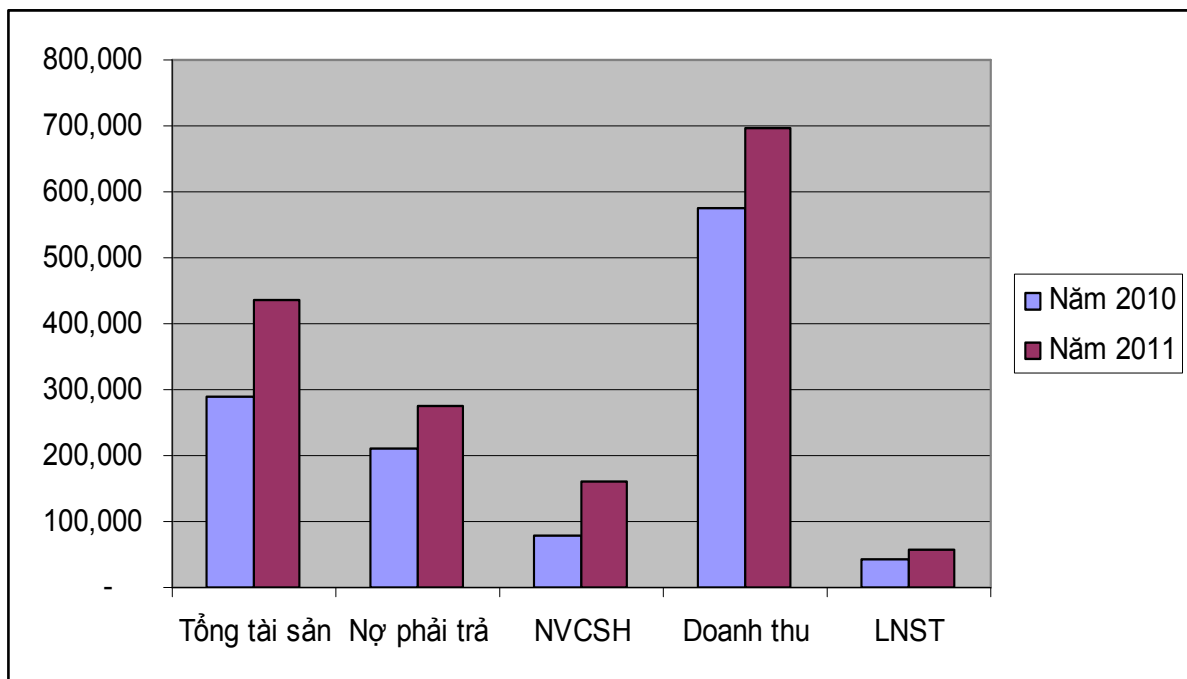
ĐVT : triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2010	Tỷ lệ thực hiện 11/10 (%)
TỔNG TÀI SẢN	434.995	290.500	149,74
Tài sản ngắn hạn	326.262	229.945	141,89
Tài sản dài hạn	108.733	60.555	179,56
NỢ PHẢI TRẢ	275.340	210.560	130,77
Nợ ngắn hạn	248.452	204.767	121,33
Nợ dài hạn	26.888	5.793	464,15
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	159.655	79.940	199,72
Vốn chủ sở hữu của SOVI	159.655	79.940	199,72
+ Vốn điều lệ	89.190	39.000	228,69
+ Thặng dư vốn cổ phần	14.940	20	74.700,00
+ Cổ phiếu quỹ	(409)	(409)	100,00
+ Các quỹ	8.080	14.999	53,87
+ Lợi nhuận chưa phân phối	47.854	26.330	181,75
Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0	
DOANH THU THUẦN	694.886	574.005	121,06
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	58.796	43.457	135,30

CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2010	Tỷ lệ thực hiện 11/10 (%)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	53.862	39.514	136,31
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,05	0,81	129,63
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,37	1,12	122,32
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	7,75	6,88	112,64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản (%)	14,85	13,60	109,19
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên VCSH (%)	41,86	49,43	84,69
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (%)	60,39	101,32	59,60

(Biểu 02 : Các chỉ số tài chính năm 2011 số liệu đã được kiểm toán)

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG CỦA MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU



b. Chi trả cổ tức năm 2011

Mức chi trả cổ tức dự tính là 15%/mệnh giá. Trong năm, SOVI đã tiến hành chi tạm ứng làm thành 2 đợt :

Đợt 1 : Chi tạm ứng 10%/vốn điều lệ tương đương 5.813,55 triệu đồng vào ngày chốt sổ cổ đông 02/11/2011.

Đợt 2 : Chi tạm ứng 5%/vốn điều lệ tương đương 4.447,345 triệu đồng vào ngày chốt sổ cổ đông 30/01/2011.

c. Giá trị sổ sách của SOVI

Nguồn vốn chủ sở hữu

$$\text{Giá trị sổ sách 1 CP} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đã phát hành – cổ phiếu quỹ}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu} = \frac{159.654.323.397}{8.918.990 - 24.300} = 17.949 \text{ đồng}$$

III. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2012

1. Thuận lợi – khó khăn

Thuận lợi :

- Được sự quan tâm, hỗ trợ từ phía Công ty mẹ - Tổng công ty CNTP Đồng Nai với tiềm lực tài chính mạnh.
- Kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, trong đó ngành sản xuất công nghiệp vẫn tăng trưởng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành bao bì phát triển.
- Lãi suất tín dụng và lạm phát có xu hướng giảm; thị trường ngoại hối chuyển biến tích cực, tỷ giá dần ổn định tạo điều kiện dễ dàng cho các doanh nghiệp trong đó có Sovi tiếp cận nguồn vốn cả ngoại tệ lẫn nội tệ với chi phí rẻ hơn năm 2011.
- Với chính sách đánh thuế môi trường cao vào các loại sản phẩm gây ô nhiễm đã tạo điều kiện thuận lợi cho bao bì giấy phát triển vì nó có tính thân thiện với môi trường.
- Sovi vẫn tiếp tục xem công tác quản trị các nguồn lực là mục tiêu làm thường xuyên, từ đó nâng cao nhận thức, kiến thức và các kỹ năng cho các cán bộ quản lý. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi trong việc điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Một số khách hàng lớn như tập đoàn Unilever, CocaCola, Pepsi, Sygenta, Kinh đô,... vẫn tiếp tục tín nhiệm Công ty, chứng tỏ thương hiệu SOVI đã có chỗ đứng vững mạnh trên thị trường.

Khó khăn

- Sau nhiều năm chống chọi với khó khăn, hết suy giảm rồi lạm phát, doanh nghiệp Việt Nam đã yếu đi nhiều. Số doanh nghiệp phá sản tăng, số thu hẹp sản xuất sẽ tác động ít nhiều đến kế hoạch kinh doanh của Sovi trong năm 2012.
- Mặc dù lãi suất có xu hướng giảm nhưng khó có thể giảm ngay và vẫn còn đứng ở mức cao do Nhà nước vẫn còn thắt chặt tín dụng để kiềm chế lạm phát nên Sovi vẫn tiếp tục phải gánh chịu chi phí tài chính cao, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh trong kỳ.
- Lạm phát sẽ tiếp tục là một thách thức trong năm 2012, trong khi đó giá một số loại hàng hóa quan trọng như điện, nước, than, xăng dầu...khó giữ tiếp như ở mức hiện nay và đang có xu hướng tăng cao, ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm, giảm hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Công tác tuyển dụng, đào tạo luôn được Công ty đặc biệt quan tâm và thường xuyên tổ chức thực hiện, tuy nhiên vẫn chưa theo kịp yêu cầu phát triển của công ty.
- Việc quy hoạch nguồn lực phát triển hệ thống marketing và nghiên cứu phát triển vẫn còn yếu, việc tuyển dụng nhân sự cho bộ phận này còn khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu công việc gây khó khăn trong việc phân tích thị trường và đối thủ cạnh tranh.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012

- Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2011.
- Căn cứ vào môi trường kinh doanh dự kiến năm 2012.
- Căn cứ vào khả năng và các nguồn lực hiện có của Công ty

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc công ty thống nhất các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu sau :

(1) Sản lượng : 46.100 tấn

Trong đó : - Bao bì carton : 39.000 tấn

- Bao bì in offset : 4.400 tấn

- Giấy bìa hộp : 2.700 tấn

(2) Doanh thu : 800.000 tr.đồng

(3) Thu nhập bình quân : 6,5 triệu đồng/người/tháng

(4) Lợi nhuận : 55.000 triệu đồng

(5) Đầu tư : 60.000 triệu đồng

Trong đó :

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng và cung cấp thiết bị cho nhà máy bao bì carton 30.000 tấn/năm tại KCN Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương với chi phí dự kiến tăng thêm 50 tỷ đồng. Còn lại 10 tỷ đồng dự kiến sẽ đầu tư đổi mới tiếp tục máy móc thiết bị tại nhà máy cũ hiện tại.

(6) Công tác xã hội : 700 triệu đồng

3. Nhiệm vụ và giải pháp tập trung :

Sang năm 2012, nền kinh tế nước ta theo dự báo sẽ gặp rất nhiều khó khăn và sẽ khó khăn hơn năm 2011. Vấn đề lạm phát vẫn là nguy cơ cao nhất, một số mặt hàng quan trọng như xăng, dầu, điện, nước... sẽ tăng giá kéo theo giá cả phần lớn mặt hàng tăng theo, tỷ giá hối đoái mặc dù có xu hướng ổn định nhưng nhập siêu vẫn còn nên có nguy cơ xảy ra biến động bất lợi,... Vậy để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2012, cần phải:

Một là; Hàng năm soát xét và nâng cấp Hệ thống tài liệu của công ty và từng bộ phận, phân xưởng. Nội dung soát xét phải cụ thể đi từ cấu trúc – thuyết minh bộ phận phân xưởng đến Mô tả công việc, quy trình, quy định và hướng dẫn công việc; tiêu chí KPI, ASK trên cơ sở các tài liệu đã thực hiện nhưng đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và có hiệu quả. Việc soát xét,

hướng dẫn phải đảm bảo từng vị trí công việc phải hiểu và làm được đầy đủ trách nhiệm, nhiệm vụ, chức năng, quy trình, quy định và hướng dẫn công việc đã được mô tả.

Hai là; Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo và quản lý của từng thành viên Ban giám đốc; Trưởng, phó bộ phận/phân xưởng; Chuyên viên – Tổ trưởng quản lý là việc làm cấp thiết, cụ thể :

- Giao việc phải thông qua Bộ hồ sơ giao việc, Mục tiêu và chương trình hành động cụ thể.
- Kiểm soát thông qua việc thu thập và phân tích dữ liệu, các biên bản họp nội bộ, từ đó phát hiện những rủi ro để phòng ngừa và nhận dạng cơ hội cải tiến.
- Trách nhiệm phải gắn liền với quyền hạn nhằm đảm bảo tính khả thi và phát huy được năng lực và lòng tận tâm của từng người

Ba là; Từng bộ phận/phân xưởng phải xem trách nhiệm đào tạo, huấn luyện kèm cặp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm đảm bảo nguồn nhân lực là lợi thế cạnh tranh của công ty. Do vậy hàng năm, quý BP.TCNS phối hợp với các BP/PX trong việc xây dựng chương trình, nội dung và kế hoạch đào tạo, huấn luyện trên cơ sở phân tích, đánh giá năng lực của từng vị trí công việc.

Bốn là; Áp dụng hệ thống lương- thưởng trên cơ sở đánh giá hoàn thành công việc hàng tháng nhằm kích thích từng người nâng cao hiệu quả công việc và đảm bảo công bằng trong thu nhập.

Năm là; Nâng cao hiệu quả công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị. Giảm thời gian ngừng máy thông qua thống kê phân tích. Xác định nguyên nhân gốc rễ cũng như áp dụng kiến thức từ chương trình Bảo trì tự quản AM đã được học.

Sáu là; Phải tiếp tục kiểm soát chặt chẽ Quy trình sản xuất ở từng công đoạn nhằm đảm bảo từng bước tác nghiệp sản xuất, kiểm tra phải tuân thủ đầy đủ, đúng quy trình, quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn công việc đã ban hành. Dữ liệu về Chất lượng, Định mức, Năng suất, Tiến độ, Số lượng, An toàn phải được thu thập, phân tích từng ca, từng máy nhằm tìm cơ hội cải tiến quá trình.

Bảy là; Phải xây dựng và duy trì đội ngũ Marketing, bán hàng chuyên nghiệp để nghiên cứu phân tích đối thủ cạnh tranh; mong đợi từng khách hàng chiến lược của công ty. Đề xuất các chính sách và chiến lược cạnh tranh hiệu quả và khả thi. Các hoạt động bán hàng phải đảm bảo theo đúng trình tự xác lập nhằm giúp theo dõi có hệ thống các yêu cầu, khiếu nại và mong đợi khách hàng tốt hơn.

Tám là; Chiến lược “Dịch vụ khách hàng tốt nhất” của công ty trong từng giai đoạn phải được BP. Kinh doanh xây dựng Mục tiêu và chương trình hành động cụ thể và giao đến từng bộ phận/phân xưởng. Phải tổ chức theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện, đo lường, phân tích hàng tháng, hàng quý để cải tiến từng bước.

Chín là; Từng bộ phận/phân xưởng phải nhận thức đầy đủ trách nhiệm quản lý chi phí thông qua :

- Soát xét định kỳ định mức sử dụng nguyên liệu, định mức lao động cho từng hạng mục công việc, lập kế hoạch chi phí hàng tháng.
- Tổ chức công việc và sản xuất đảm bảo tuân thủ định mức, chi phí đã được phê duyệt ban hành.

- Thu thập dữ liệu kịp thời, đầy đủ, chính xác làm cơ sở cho việc phân tích cải tiến.
- Tham gia dự án LEAN với tinh thần học hỏi, suy nghĩ, phân tích lại quá trình hoạt động tại bộ phận/phân xưởng mình nhằm tìm cơ hội cải tiến.

IV : KẾT LUẬN

Kính thưa Quý vị Đại biểu,

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Mặc dù tình hình kinh tế năm 2011 vẫn còn bất ổn, đặc biệt là vấn đề lạm phát nhưng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cùng nhau đoàn kết, thống nhất vượt qua những khó khăn, thách thức, không những hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm mà còn vượt mức những chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2012 đặt ra trong hoàn cảnh lạm phát trong năm 2012 vẫn là một thách thức lớn đã tác động ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy đã đề ra các giải pháp phòng ngừa, các biện pháp khắc phục nhưng công ty cũng không thể lường hết những biến cố, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình triển khai hoạt động SXKD của mình.

Để công ty có thể vượt qua thử thách và hoàn thành kế hoạch năm 2012, cần phải có sự đoàn kết nhất trí cao độ của tập thể cán bộ công nhân viên ; sự chia sẻ đồng tâm ủng hộ của Quý cổ đông ; sự cộng tác, hợp tác chân tình của Quý khách hàng, cùng sự hỗ trợ của Lãnh đạo Tổng công ty CNTP Đồng Nai, các ban ngành đoàn thể trong Tỉnh.

Với sự hậu thuẫn của Quý vị cổ đông, sự nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ công nhân viên, cùng với sự tin yêu của đông đảo đối tác, khách hàng, chúng tôi tin tưởng rằng Công ty sẽ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2012 đề ra.

Kính chúc Đại hội thành công ./.

**TM. HĐQT CÔNG TY CP BAO BÌ BIÊN HÒA
CHỦ TỊCH**

(đã kí)

LÊ QUỐC TUYẾN

MỤC II :

TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI

NỘI DUNG :

- Tờ trình 01/ĐHCD/2011 về việc :
 - Phân phối lợi nhuận năm 2011
- Tờ trình 02/ĐHCD/2011 về việc :
 - Phương hướng kế hoạch SXKD năm 2012.
 - Chính sách cổ tức năm 2012.
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2012.
 - Tiền thưởng HĐQT và BKS năm 2012
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty.
 - Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2012
- Tờ trình 03/ĐHCD/2011 về việc :
 - Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh được Quy định trong Điều lệ Tổ chức & Hoạt động Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa cho phù hợp với quy định của cơ quan quản lý Nhà nước.
 - Thông qua việc bãi nhiệm Bà Lê Thị Tuyết là cổ đông sáng lập của Công ty CP bao bì Biên Hòa.

Số : 01/ĐHCD/2012

Biên Hòa ngày 02 tháng 03 năm 2012

TỜ TRÌNH

Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2011

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

- Căn cứ vào điều 40 chương 13 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Bao bì Biên Hòa;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần thứ 8 tài khóa 2010;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty CP Bao Bì Biên Hòa đã được Công ty Kiểm toán DTL kiểm tra và xác nhận;
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp ngày 18/02/2012 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa;

Hội đồng quản trị trân trọng đề trình lên Đại hội Cổ đông thường niên lần thứ 9 tài khóa 2011 xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2011 như sau :

Kết quả hoạt động của Công ty CP bao bì Biên Hòa năm 2011 :

- | | |
|------------------------------|-----------------------|
| • Doanh thu thuần | 694.886.367.427 đồng. |
| • Lợi nhuận trước thuế | 58.796.406.216 đồng. |
| • Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.934.778.950 đồng. |
| • Lợi nhuận sau thuế | 53.861.627.266 đồng. |

Trong đó : Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm là 4.550.420.714 đồng.

Căn cứ vào kết quả báo cáo nêu trên, chúng tôi đề nghị Đại hội thống nhất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 như sau :

- | | |
|--|----------------------------|
| • Chia cổ tức năm 2010 15% trên mệnh giá cổ phần | 10.260.895.000 đồng |
| • Trích lập Quỹ dự phòng tài chính 5% | 2.693.081.363 đồng |
| • Trích lập Quỹ đầu tư phát triển 10% | 5.386.162.727 đồng |
| • Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi 15% | 8.079.244.090 đồng |
| • Trích tiền thưởng HĐQT, BKS 2% | <u>1.077.232.545 đồng</u> |
| Cộng | 27.496.615.725 đồng |
| • Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối | 26.365.011.541 đồng |

Phần lợi nhuận còn lại **26.365.011.541 đồng** sau khi phân phối Hội đồng Quản trị Công ty CP Bao bì Biên Hòa kiến nghị Đại hội :

1. Trích khen thưởng cho Ban điều hành, các cấp quản trị và lao động giỏi của Công ty :
465.011.541 đồng.
2. Bổ sung vốn đầu tư :
25.900.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội xem xét và phê chuẩn./.

Công ty CP Bao bì Biên Hòa
Chủ tịch HĐQT

(đã kí)

Lê Quốc Tuyên

Số : 02/DHCD/2012

Biên Hòa ngày 02 tháng 03 năm 2012

TỜ TRÌNH

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Bao bì Biên Hòa.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty CP Bao Bì Biên Hòa đã được Công ty Kiểm toán DTL kiểm tra và xác nhận.
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp ngày 18/02/2012 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị trân trọng đề trình lên Đại hội Cổ đông thường niên lần thứ 9 năm tài khóa 2011 xem xét và thông qua các vấn đề sau :

1. Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.
2. Chính sách cổ tức năm 2012.
3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2012.
4. Tiền thưởng hiệu quả HĐSXKD của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2012.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời là Giám đốc Công ty.
6. Trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi : 15%/ Lợi nhuận sau thuế.

Vấn đề 1 : Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012

- Căn cứ vào Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2011.
- Căn cứ vào tình hình thực tế đầu năm 2012 và kết quả dự báo năm 2012 của Công ty.

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua phương hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 như sau :

(1) Sản lượng :	46.100 tấn
Trong đó :	
- Bao bì carton :	39.000 tấn
- Bao bì in offset :	4.400 tấn
- Bao bì hộp :	2.700 tấn
(2) Doanh thu :	800.000 triệu đồng
(3) Thu nhập bình quân :	6,5 triệu đồng/người/tháng.
(4) Lợi nhuận trước thuế :	55.000 triệu đồng
(5) Đầu tư :	60.000 triệu đồng

Vấn đề 2 : Chính sách cổ tức năm 2012

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2012, sau khi cân đối hiệu quả kế hoạch SXKD và tài chính năm 2012, nhằm đảm bảo có đủ vốn để đầu tư nhà máy bao bì carton 30.000 tấn/năm mới tại KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương sớm đi vào hoạt động, Hội đồng quản trị kính trình Quý cổ đông thông qua chính sách chia cổ tức cho năm tài chính năm 2012 như sau :

- *Trả cổ tức bằng tiền mặt : từ 15%/mệnh giá cổ phần trở lên.*

Thực hiện : Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định và thực hiện việc chi trả theo tình hình của thị trường tại thời điểm thích hợp.

Vấn đề 3 : Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012

Hội đồng Quản trị trình lên Đại hội đồng Cổ đông tiếp tục lựa chọn Công ty Kiểm toán DTL, là công ty kiểm toán có uy tín, được UBCKNN chấp nhận kiểm toán đối với các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch năm 2012 nhằm đảm bảo việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán và các nguyên tắc minh bạch công khai Báo cáo tài chính của Công ty theo đúng quy định của các Chuẩn mực Kế toán và quy định của các Luật định.

Vấn đề 4 : Tiền thưởng hiệu quả hoạt động SXKD của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2012

- *Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Bao bì Biên Hòa*
- *Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.*

Hội đồng Quản trị trình lên Đại hội thông qua mức thưởng cho HĐQT và BKS trong năm 2012 với mức là : 2% lợi nhuận sau thuế (như năm 2011).

Thực hiện : Giao cho Hội đồng Quản trị xác định mức thù lao cho từng thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát.

Vấn đề 5 : Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời là Giám đốc Công ty.

- *Căn cứ vào khoản 1, điều 26, chương VII của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.*

Hội đồng Quản trị trình lên Đại hội đồng cổ đông thông qua :

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty năm 2012.

Vấn đề 6 : Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2012.

- *Căn cứ điều 25 chương VII của Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.*

Nhằm đảm bảo cho CBCNV có một môi trường, sức khỏe làm việc có hiệu quả, Hội đồng quản trị kính trình lên Đại Hội thông qua kế hoạch trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi như sau :

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi : 15% lợi nhuận sau thuế (như năm 2011).

Công ty CP Bao bì Biên Hòa
Chủ tịch HĐQT

Số : 03/DHCD/2012

Biên Hòa ngày 02 tháng 03 năm 2012

TỜ TRÌNH

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Bao bì Biên Hòa.
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp ngày 15/03/2011 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị trân trọng đề trình lên Đại hội Cổ đông thường niên lần thứ 9 năm tài khóa 2011 xem xét và thông qua các vấn đề sau :

1. Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh được Quy định trong Điều lệ Tổ chức & Hoạt động Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa cho phù hợp với quy định của cơ quan quản lý Nhà nước.
2. Thông qua việc bãi nhiệm bà Lê Thị Tuyết là thành viên sáng lập Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa.

Vấn đề 1 : Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh được Quy định trong Điều lệ Tổ chức & Hoạt động Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa cho phù hợp với quy định của cơ quan quản lý Nhà nước.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP bao bì Biên Hòa;

Do đặc thù của ngành nghề sản xuất bao bì giấy là phải kèm theo in ấn nhưng theo quy định của Sở văn hóa thông tin và truyền thông thì công ty phải đăng kí bổ sung ngành in . Vì vậy, HĐQT công ty kính trình Đại hội thông qua việc điều chỉnh lại điều 4 – Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Bao bì Biên Hòa .

- Ủy quyền cho HĐQT triển khai việc sửa đổi điều lệ và thực hiện việc Đăng ký lại Giấy phép hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của Pháp luật.

Vấn đề 2: Thông qua việc bãi miễn bà Lê thị Tuyết là thành viên sáng lập Công ty CP bao bì Biên Hòa.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP bao bì Biên Hòa;

Do bà Lê Thị Tuyết là cổ đông sáng lập của Công ty CP bao bì Biên Hòa bị bệnh đã mất, HĐQT công ty kính trình Đại hội thông qua việc bãi miễn bà Lê thị Tuyết là thành viên sáng lập của Công ty theo Luật định.

- Ủy quyền cho HĐQT triển khai việc sửa đổi điều lệ và thực hiện việc Đăng ký lại Giấy phép hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty CP Bao bì Biên Hòa

Chủ tịch HĐQT

(đã kí)

Lê Quốc Tuyên

MỤC III :

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG :

- Báo cáo kiểm toán .
- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi : Các cổ đông
CÔNG TY CP BAO BÌ BIÊN HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 30 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở kiến :

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Y kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

(đã kí)

(đã kí)

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		326,261,421,080	229,944,869,594
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		87,364,868,785	21,701,833,663
1. Tiền	111	(5.1)	34,674,868,785	13,701,833,663
2. Các khoản tương đương tiền	112		52,690,000,000	8,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư NH	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	161,223,874,435	125,601,900,426
1. Phải thu của khách hàng	131		127,305,290,078	123,441,641,819
2. Trả trước cho người bán	132		33,672,924,537	2,227,199,046
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		466,180,210	251,767,193
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(220,520,390)	(318,707,632)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	75,146,944,206	64,887,068,158
1. Hàng tồn kho	141		75,146,944,206	64,887,068,158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,525,733,654	17,754,067,347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28,080,000	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,187,048,654	3,236,831,527
3. Các khoản thuế phải thu	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	310,605,000	14,517,235,820
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108,733,253,752	60,555,511,979
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			

II. Tài sản cố định	220		84,014,768,928	56,293,536,024
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	47,268,020,133	55,661,246,183
- Nguyên giá	222		186,576,886,666	177,736,200,962
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139,308,866,533)	(122,074,954,779)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	12,370,642	49,482,568
- Nguyên giá	228		1,471,867,089	1,471,867,089
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,459,496,447)	(1,422,384,521)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	36,734,378,153	582,807,273
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4,000,000,000	4,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.8)	4,000,000,000	4,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		20,718,484,824	261,975,955
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.9)	19,623,078,824	252,975,955
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,095,406,000	9,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		434,994,674,832	290,500,381,573
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		275,340,351,435	210,560,414,790
I. Nợ ngắn hạn	310		248,452,390,565	204,767,226,141
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	88,289,267,613	67,926,162,448
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	116,229,080,147	99,708,134,550
3. Người mua trả tiền trước	313		106,722,672	246,530,790
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	(5.12)	2,525,739,172	1,562,123,516
5. Phải trả người lao động	315	(5.13)	23,513,117,610	20,511,354,953
6. Chi phí phải trả	316	(5.14)	2,674,161,096	1,283,422,000

7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.15)	4,947,015,041	5,970,419,518
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	(5.16)	10,167,287,214	7,559,078,366
II. Nợ dài hạn	330		26,887,960,870	5,793,188,649
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.10)	26,373,066,150	5,271,601,750
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		514,894,720	521,586,899
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.17.1)	159,654,323,397	79,939,966,783
I. Vốn chủ sở hữu	410		159,654,323,397	79,939,966,783
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	89,189,900,000	39,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14,940,453,510	20,108,510
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(408,640,209)	(408,640,209)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,386,162,727	11,098,762,628
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,693,081,363	3,900,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.17.6)	47,853,366,006	26,329,735,854
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn Kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		434,994,674,832	290,500,381,573

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		552,450,545	552,450,545
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		973,785.77	117,807.94
- EUR		949.84	9,141.05
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TRƯỞNG BP.TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Ngày 25 tháng 02 năm 2012
GIÁM ĐỐC

(đã kí)

(đã kí)

Nguyễn Hoàng

Lê Quốc Tuyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		694,886,367,427	574,058,260,115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	52,976,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	694,886,367,427	574,005,284,115
4. Giá vốn hàng bán	11		581,217,719,153	497,766,569,871
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113,668,648,274	76,238,714,244
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.2)	5,013,353,879	3,263,804,501
7. Chi phí tài chính	22	(6.3)	18,447,677,485	6,393,455,626
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		6,967,059,772	4,404,694,617
8. Chi phí bán hàng	24	(6.4)	27,100,374,453	19,164,282,377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	15,057,794,672	11,125,488,476
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58,076,155,543	42,819,292,266
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	827,556,252	650,343,725
12. Chi phí khác	32		107,305,579	12,340,993
13. Lợi nhuận khác	40		720,250,673	638,002,732
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58,796,406,216	43,457,294,998
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	4,934,778,950	3,943,501,686
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		53,861,627,266	39,513,793,312
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		9,891	7,555

TRƯỞNG BP.TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

(đã kí)

Nguyễn Hoàng

Ngày 25 tháng 02 năm 2012
GIÁM ĐỐC

(đã kí)

Lê Quốc Tuyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58,796,406,216	43,457,294,998
2. Điều chỉnh cho cc khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		16,999,056,451	8,389,901,563
Các khoản dự phòng	03		(98,187,242)	77,206,242
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1,088,378,716)	(2,745,027,096)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,296,252,152)	(503,812,537)
Chi phí lãi vay	06		6,967,059,772	4,404,694,617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		78,279,704,329	53,080,257,787
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20,379,907,174)	(49,752,975,463)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10,259,876,048)	(28,021,339,535)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		24,718,737,424	66,846,552,838
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(19,398,182,869)	(252,975,955)
Tiền lãi vay đã trả	13		(6,782,143,799)	(4,404,694,617)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,671,120,526)	(3,475,067,395)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8,187,490,076)	(17,366,606,206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		33,319,721,261	16,653,151,454
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45,536,760,755)	(21,839,431,876)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			1,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			138,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(4,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		3,296,252,152	453,994,355
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42,240,508,603)	(25,245,619,339)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		44,763,235,000	63,901,940
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		257,448,338,486	164,895,330,710
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(215,983,768,921)	(148,531,475,716)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11,627,100,000)	(11,764,690,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		74,600,704,565	4,663,066,934
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		65,679,917,223	(3,929,400,951)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21,701,833,663	25,450,259,164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(16,882,101)	180,975,450
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		87,364,868,785	21,701,833,663

TRƯỞNG BP.TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

(đã kí)

Nguyễn Hoàng

Ngày 25 tháng 02 năm 2012
GIÁM ĐỐC

(đã kí)

Lê Quốc Tuyên

MỤC IV :

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

của CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Năm 2011

NỘI DUNG :

- Phần 1: Quản trị & điều hành
- Phần 2: Kết quả và hiệu quả kinh doanh
- Phần 3: Tình hình tài chính
- Phần 5: Tình hình đầu tư
- Phần 6: Tình hình Cổ đông, lao động, Nghĩa vụ NSNN
- Phần 7: Nhận xét & Kiến nghị

Ngày 02 tháng 3 năm 2012